

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 06-08-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con
và chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Bế Chiến

Các Thẩm phán: Bà Tô Thị Thuỳ Ngân

Ông Vi Khánh Dân

- Thư ký phiên toà: Ông Vi Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Bích Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 07/2025/TLPT- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*".

Điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử số 3, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điểm cầu thành phần: Tòa án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Cao Bằng (địa chỉ: Tổ dân phố D, xã T, tỉnh Cao Bằng).

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2025/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nại Thị T, sinh năm 1985;

Bị đơn: Ông Nông Văn B, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Nay là xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng.

Do có kháng cáo của: Bị đơn Nông Văn B.

- Người kháng cáo: Bị đơn Nông Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nại Thị T trình bày:

Chị đăng ký kết hôn với anh Nông Văn B vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Cao Bằng, việc đăng ký do hai bên tự nguyện. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, hai người không hòa hợp, chồng chị chơi bời, lãng nhãng, không giúp đỡ chị trong việc nuôi con cái. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Về con chung, có ba con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 01/3/2006, Nông Thị Ánh N1, sinh ngày 06/12/2010 và cháu Nông Việt H, sinh ngày 15/01/2020. Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị T. Riêng cháu lớn hiện nay đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu xem xét giải quyết, các con chưa thành niên ở với ai là tùy nguyện vọng của các con. Trường hợp khi ly hôn các con sống chung với chị thì chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đối với 02 người con. Về tài sản chung: Có 01 nhà gồm phần nhà chính và phần bếp, được xây dựng vào năm 2010, khi ly hôn chị yêu cầu được hưởng 01 phần nhà chính hoặc bếp tùy anh B lựa chọn; Và hai vợ chồng mua được một thửa ruộng, phần ruộng yêu cầu được chia đôi. Có 04 chiếc xe máy, chị T yêu cầu được sử dụng chiếc xe máy hiện nay chị đang sử dụng đi lại hàng ngày có biển kiểm soát 11B1 - 130.79, còn 03 chiếc xe còn lại để anh B quản lý và sử dụng. Nợ chung xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 07/01/2025, chị T trình bày: Sau buổi hòa giải trước, chị nhận thấy vấn đề tài sản giữa chị và anh B có thể tự thỏa thuận được với nhau. Do đó, chị xin rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung khi ly hôn. Giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con là Nông Thị Ánh N1 và Nông Việt H, không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung không đặt ra đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn Nông Văn B trình bày: Anh xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, tình cảm, con cái, tài sản chung như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn, nay chị T yêu cầu ly hôn, anh nhất trí ly hôn. Về con chung, con lớn đã 18 tuổi anh không yêu cầu xem xét giải quyết, con chung chưa thành niên muốn chung sống với ai là quyền của các con, tuy nhiên anh B không nhất trí về cấp dưỡng nuôi con, con nào ở với anh thì anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Phần nhà có nhà chính và nhà bếp, tuy nhiên khi xây nhà, mẹ đẻ của anh B có bán đất được 50.000.000 đồng góp tiền xây nhà, hiện nay bà đang sống tại phần nhà bếp, bà có nguyện vọng được sống ở đây cho đến khi nhắm mắt, xuôi tay, ai là người chăm sóc bà thì được hưởng phần bếp này. Nên anh không nhất trí với yêu cầu của chị T, anh B có ý kiến là phần nhà chính có 3 gian, vợ chồng mỗi người ở 01 gian còn gian

giữa để cho các con sống chung ở đó. Phần đất ruộng chị T yêu cầu là phần đất của bố mẹ để anh để lại cho riêng anh. Ngoài ra, sau khi 02 vợ chồng kết hôn có mua được 02 đám ruộng, 01 đám 10.000.000 đồng có diện tích khoảng 50m², 01 đám 50.000.000 đồng có diện tích khoảng 900m², anh B yêu cầu giải quyết cả 02 thửa đất này, hiện chị T cầm toàn bộ giấy tờ nên không cung cấp giấy tờ được cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2025, qua việc xác minh với trưởng xóm xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng cho biết: Chị T và anh B đều sinh ra, lớn lên tại xóm B và có hộ khẩu tại xóm B, Sau khi kết hôn anh chị có với nhau được 03 người con, quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần và kéo dài, chính quyền xóm đã can thiệp, khuyên giải nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Hiện nay, hai vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng, anh B thường xuyên không ở nhà, còn chị T thì mang con về sống trong một căn lều dựng trên phần đất của bên bố mẹ đẻ của chị T. Hiện nay cháu lớn đã đi học đại học, còn các cháu nhỏ ở với chị T hàng ngày do chị T chăm sóc.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 08/2025/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nại Thị T và anh Nông Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Thị Ánh N1, sinh ngày 06/12/2010 và cháu Nông Việt H, sinh ngày 15/01/2020 cho chị Nại Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi (Hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh B.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản chung khi ly hôn. Các đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/4/2025 bị đơn Nông Văn B có đơn kháng cáo không nhất trí một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2025/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nông Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không nhất trí một phần bản án sơ thẩm đã tuyên về phần con chung, đề nghị tòa án phúc thẩm xem xét cho ông Nông Văn B được quyền chăm sóc giáo dục cháu Nông Việt H, bà T sẽ chăm sóc giáo dục cháu Nông Thị Ánh N1. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Nguyên đơn Nại Thị T không nhất trí với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng).

Về quan điểm của Kiểm sát viên giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nông Văn B, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng).

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn Nại Thị T và bị đơn Nông Văn B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị đơn Nông Văn B trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Nông Văn B:

Tại đơn kháng cáo, bị đơn Nông Văn B không nhất trí một phần bản án sơ thẩm đã tuyên về phần con chung, đề nghị tòa án phúc thẩm xem xét cho ông Nông Văn B được quyền chăm sóc giáo dục cháu Nông Việt H, bà T sẽ chăm sóc giáo dục cháu Nông Thị Ánh N1. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên đương sự xác nhận có ba con chung là cháu Nông Thị N, sinh ngày 01/3/2006, Nông Thị Ánh N1, sinh ngày 06/12/2010 và cháu Nông Việt H, sinh ngày 15/01/2020. Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con chưa thành niên và không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị T cũng là nguyện vọng của con chưa thành niên khi được tòa án cấp sơ thẩm tiến hành lấy ý kiến về tâm tư nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn. Trên thực tế hiện nay các cháu đều do chị T

chăm sóc, điều này được thể hiện qua Biên bản xác minh của Tòa án ngày 07/3/2025 xác minh với trưởng xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần nội dung về con chung chưa thành niên là cháu Nông Thị Ánh N1, sinh ngày 06/12/2010 và cháu Nông Việt H, sinh ngày 15/01/2020 giao cho chị T chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Tuy nhiên thực tế điều kiện về nhà ở, thu nhập của chị T hiện nay không đảm bảo để cùng lúc nuôi cả hai cháu. Nhà ở là lán có diện tích chỉ đủ để làm giường và bếp, được xây trên phần đất của họ hàng nhà chị T. Thu nhập của chị T còn thấp và không ổn định. Do đó để đảm bảo sự phát triển của cháu H, xét thấy việc giao cháu H cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết.

[3] Về án phí phúc thẩm: Anh Nông Văn B không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nông Văn B.

1. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2025/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng). Giao cháu Nông Việt H, sinh ngày 15/01/2020 cho anh Nông Văn B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm, sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết chị T, anh B có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Nông Văn B được hoàn lại số tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002820 ngày 24/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – tỉnh Cao Bằng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CCTHADS huyện Trùng Khánh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cao Bằng);
- TAND huyện Trùng Khánh (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – Cao Bằng);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Bế Chiến